

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát sự hài lòng người bệnh và người nhà Ngoại trú do Đoàn kiểm tra nội bộ, đánh giá chất lượng Bệnh viện thực hiện 6 tháng cuối năm 2025

Thực hiện Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 08/01/2024 của Bộ Y tế Ban hành hướng dẫn về phương pháp đo lường hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2024 - 2030;

Thực hiện Quyết định số 149/QĐ-BVĐKY ngày 31/3/2025 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện năm 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 114/KH-BVĐKY ngày 07/02/2025 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang về Khảo sát sự hài lòng người bệnh năm 2025;

Nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm hướng tới đáp ứng sự hài lòng người bệnh trong quá trình điều trị tại Bệnh viện;

Đoàn kiểm tra nội bộ Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang tiến hành khảo sát sự hài lòng của người bệnh ngoại trú cuối năm 2025, đạt được kết quả cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Nơi khảo sát: Khoa Khám-Cấp cứu - Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang
- Số lượng bệnh nhân phân theo giới tính và bảo hiểm y tế:

STT	Giới	BHYT		Không có BHYT		Tổng	
		n	%	n	%	n	%
1	Nam	11	36,7	0	0	11	36,7
2	Nữ	19	63,3	0	0	19	63,3
Tổng		30	100	0	0	30	100

II. KẾT QUẢ SỰ HÀI LÒNG CHUNG VỀ CÁC MẶT CỦA BỆNH NHÂN NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN:

Để khảo sát sự hài lòng của người bệnh, Tổ khảo sát đã tiến hành khảo sát theo mẫu phiếu khảo sát của Bộ Y tế ban hành, được chia thành 5 tiểu mục như sau:

- Sự hài lòng về khả năng tiếp cận khoa, phòng, cơ sở khám chữa bệnh.
- Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám, chữa bệnh.

C. Sự hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh.

D. Sự hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế.

E. Sự hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ.

Kết quả:

Mục	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
A	Khả năng tiếp cận	4,28	0,39
B	Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám	4,15	0,34
C	Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh	4,65	0,44
D	Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế	4,57	0,47
E	Kết quả cung cấp dịch vụ	4,26	0,40
Điểm trung bình hài lòng chung về các mặt		4,48	0,40

Từng đề mục trên các câu hỏi khảo sát được đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5. Trong đó, 1 là rất không hài lòng, 2 là không hài lòng, 3 là bình thường, 4 là hài lòng và cuối cùng là 5 rất hài lòng.

Kết quả phân tích cho thấy điểm trung bình hài lòng chung về các mặt được khảo sát trên 30 bệnh nhân về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế nhìn chung 5 tiêu mục đều nằm trong khoảng từ 4,15 – 4,65 ở mức ý nghĩa hài lòng.

Như vậy có thể thấy, qua khảo sát cuối năm, khoa Khám-Cấp cứu Bệnh viện vẫn thực hiện và duy trì tốt các công tác liên quan đến khám và chữa bệnh như:

- Đảm bảo cho người bệnh được tiếp cận với việc khám chữa bệnh
- Các thông tin và thủ tục khám, chữa bệnh minh bạch.
- Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh đảm bảo.
- Thái độ ứng xử của nhân viên đúng mực, năng lực chuyên môn của đội ngũ điều trị đáp ứng được mong đợi của người bệnh.
- Kết quả cung cấp dịch vụ hài lòng bệnh nhân.

III. KẾT QUẢ SỰ HÀI LÒNG CỦA BỆNH NHÂN NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN TRONG TỪNG MẶT:

NỘI DUNG		Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng	Không sử dụng dịch vụ y tế
A. Khả năng tiếp cận							
A1. Các biển báo, chỉ dẫn đường đến bệnh viện rõ ràng, dễ nhìn, dễ tìm.	n				30		
	%				100		
A2. Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng trong bệnh viện rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm.	n				30		
	%				100		
A3. Các khối nhà, cầu thang được đánh số rõ ràng, dễ tìm.	n				30		
	%				100		
A4. Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng, phẳng dễ đi.	n				30		
	%				100		
A5. Có thể tìm hiểu các thông tin và đăng ký khám qua điện thoại, trang tin điện tử của bệnh viện (website) thuận tiện.	n				30		
	%				100		
B. Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị							
B1. Quy trình khám bệnh được niêm yết rõ ràng, công khai, dễ hiểu.	n				30		
	%				100		
B2. Các quy trình, thủ tục khám bệnh được cải cách đơn giản, thuận tiện.	n				30		
	%				100		
B3. Giá dịch vụ y tế niêm yết rõ ràng, công khai.	n				30		
	%				100		
B4. Nhân viên y tế tiếp đón, hướng dẫn người bệnh làm các thủ tục niêm nở, tận tình.	n				30		
	%				100		
B5. Được xếp hàng theo thứ tự trước sau khi làm các thủ tục đăng ký, nộp tiền, khám bệnh, xét nghiệm, chiếu chụp.	n				30		
	%				100		
B6. Đánh giá thời gian chờ đợi làm thủ tục đăng ký khám.	n				30		
	%				100		

NỘI DUNG		Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng	Không sử dụng dịch vụ y tế
B7. Đánh giá thời gian chờ tới lượt bác sĩ khám.	n				30		
	%				100		
B8. Đánh giá thời gian được bác sĩ khám và tư vấn.	n				30		
	%				100		
B9. Đánh giá thời gian chờ làm xét nghiệm, chiếu chụp.	n				30		
	%				100		
B10. Đánh giá thời gian chờ nhận kết quả xét nghiệm, chiếu chụp.	n				30		
	%				100		
C. Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh							
C1. Có phòng/sảnh chờ khám sạch sẽ, thoáng mát vào mùa hè; kín gió và ấm áp vào mùa đông.	n				21	9	
	%				70,0	30,0	
C2. Phòng chờ có đủ ghế ngồi cho người bệnh và sử dụng tốt.	n				21	9	
	%				70,0	30,0	
C3. Phòng chờ có quạt (điều hòa) đầy đủ, hoạt động thường xuyên.	N				21	9	
	%				70,0	30,0	
C4. Phòng chờ có các phương tiện giúp người bệnh có tâm lý thoải mái như ti-vi, tranh ảnh, tờ rơi, nước uống...	n				21	9	
	%				70,0	30,0	
C5. Được bảo đảm sự riêng tư khi khám bệnh, chiếu chụp, làm thủ thuật.	n				21	9	
	%				70,0	30,0	
C6. Nhà vệ sinh thuận tiện, sử dụng tốt, sạch sẽ.	n				21	9	
	%				70,0	30,0	
C7. Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp.	n				21	9	
	%				70,0	30,0	
C8. Khu khám bệnh bảo đảm an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp cho người dân.	n				21	9	
	%				70,0	30,0	

NỘI DUNG		Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng	Không sử dụng dịch vụ y tế
D. Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế							
D1. Nhân viên y tế (bác sĩ, điều dưỡng) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực.	n				27	3	
	%				90,0	10,0	
D2. Nhân viên phục vụ (hộ lý, bảo vệ, kế toán...) có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực.	n				27	3	
	%				90,0	10,0	
D3. Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ.	n				27	3	
	%				90,0	10,0	
D4. Năng lực chuyên môn của bác sĩ, điều dưỡng đáp ứng mong đợi.	n				27	3	
	%				90,0	10,0	
E. Kết quả cung cấp dịch vụ							
E1. Kết quả khám bệnh đã đáp ứng được nguyện vọng của người bệnh.	n				30		
	%				100		
E2. Các hóa đơn, phiếu thu, đơn thuốc và kết quả khám bệnh được cung cấp đầy đủ, rõ ràng, minh bạch và được giải thích nếu có thắc mắc.	n				30		
	%				100		
E3. Đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế.	n				30		
	%				100		
E4. Đánh giá mức độ hài lòng về giá cả dịch vụ y tế.	n				30		
	%				100		

E5. Nhận xét về số tiền chi trả tương xứng với chất lượng dịch vụ y tế

Mức độ tương xứng	Rất đắt so với chất lượng	Đắt hơn so với chất lượng	Tương xứng so với chất lượng	Rẻ hơn so với chất lượng	Không tự chi trả nên không biết
Số lượng	0	0	26	1	3
%	0	0	86,7	3,3	10,0

Trong tổng số 30 bệnh nhân và người nhà bệnh nhân được khảo sát, có 26 người tương ứng 86,7% cho rằng số tiền chi trả tương xứng với chất lượng dịch vụ y tế, có 01 người tương ứng 3,3% cho rằng số tiền chi trả rẻ hơn so với chất lượng dịch vụ khi tới khám và điều trị và có 03 người tương ứng 10,0% bệnh nhân và người nhà tự không chi trả tiền nên không biết đắt hay rẻ về giá nhưng qua các mục khảo sát các bảng trên về sự hài lòng chất lượng khám, điều trị thì bệnh nhân hoặc người nhà đánh giá mức độ hài lòng và rất hài lòng.

F. Mức độ đáp ứng của bệnh viện với những mong đợi của bệnh nhân/người nhà bệnh nhân trước khi tới điều trị.

	N	ĐTB	Độ lệch chuẩn
Mức độ đáp ứng	30	91,4	1,94

Đánh giá chung, trong 6 tháng cuối năm Bệnh viện đã đáp ứng được 91,4% mong đợi của bệnh ngoại trú khi tới khám và điều trị.

G. Khả năng quay trở lại hoặc giới thiệu cho người khác khi người bệnh có nhu cầu khám, chữa những bệnh tương tự sau khi ra viện

Khả năng quay lại	Chắc chắn không bao giờ quay lại	Không muốn quay lại nhưng có ít lựa chọn khác	Có thể sẽ quay lại	Chắc chắn sẽ quay lại hoặc giới thiệu cho người khác
Số lượng	0	0	0	30
%	0	0	0	100

Trong tổng số 30 bệnh nhân được khảo sát, có 30 bệnh nhân chiếm 100 % cho rằng nếu có nhu cầu khám, chữa bệnh chắc chắn sẽ quay trở lại hoặc giới thiệu cho người khác.

IV. SO SÁNH ĐIỂM TRUNG BÌNH HÀI LÒNG CỦA BỆNH NHÂN VÀ NGƯỜI NHÀ THEO CÁC NHÓM KHÁC NHAU:

a) Giữa hai nhóm giới

Giới	Số lượng	ĐTB hài lòng chung
Nam	11	4,03
Nữ	19	4,05

Bảng số liệu thống kê về hài lòng chung giữa hai nhóm giới cho thấy điểm trung bình hài lòng chung của nhóm nữ (4,05) và nhóm nam (4,03) đều hài lòng khi tới khám và điều trị tại Bệnh viện.

b) Giữa 2 nhóm có BHYT và không có BHYT

BHYT	Số lượng	ĐTB hài lòng
Có	30	100
Không	0	0
Tổng	30	100

Điểm trung bình hài lòng của nhóm có BHYT đạt 100%.

V. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ ĐỀ XUẤT:

1. Kết quả:

Qua khảo sát sự hài lòng của người bệnh và người nhà ngoại trú cuối năm 2025, cho thấy điểm trung bình hài lòng chung về các mặt đạt 4,88; ở mức ý nghĩa hài lòng.

Mức độ đáp ứng của bệnh viện với những mong đợi của bệnh nhân/người nhà bệnh nhân trước khi tới khám và điều trị là 91,4 % ở mức ý nghĩa hài lòng.

Có 100% bệnh nhân cho rằng nếu có nhu cầu khám, chữa những bệnh tương tự, chắc chắn sẽ quay trở lại hoặc giới thiệu cho người khác.

2. Đề xuất:

- Nhân viên y tế duy trì thực hiện tốt Quy tắc ứng xử, chế độ giao tiếp, 12 điều y đức.

- Y, bác sĩ điều dưỡng phòng khám thực hiện đúng theo quy định của Bệnh viện trong việc đảm bảo thời gian khám và tư vấn cho người bệnh.

- Khi bệnh nhân đông y, bác sĩ, điều dưỡng trực phòng khám báo cho lãnh đạo điều phối người hỗ trợ để giảm thiểu tình trạng quá tải, khiến bệnh nhân chờ đợi quá lâu.

- Điều dưỡng phòng khám thực hiện theo đúng quy trình khám chữa bệnh, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể khi người bệnh thắc mắc.

- Khoa Khám tích cực giới thiệu, hướng dẫn việc tìm hiểu thông tin, đăng ký dịch vụ qua điện thoại và trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện (website) để tránh việc quá tải và tránh việc bệnh nhân phải chờ đợi.

- Khoa khám bám sát và thực hiện theo kế hoạch triển khai dịch vụ đăng ký khám chữa bệnh qua điện thoại và trang tin điện tử của Bệnh viện.

- Sơ đồ, biển báo, biển chỉ dẫn, lối đi cần rõ ràng để bệnh nhân và người nhà thuận tiện trong việc tìm kiếm.

- Trưởng khoa, điều dưỡng trưởng khoa kiểm tra định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện những sai sót để điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:

- BGĐ BV (VBĐT);
- Các khoa, phòng (VBĐT);
- Lưu: VT, KHTH, tổ KSHL.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Thanh Vinh